

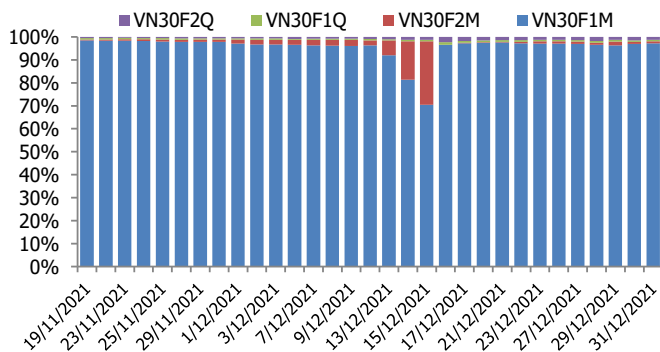
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2201 | 20/1/2022 | 20 | 1537.00 | 30,711 |
| VN30F2202 | 17/2/2022 | 48 | 1536.80 | 282 |
| VN30F2206 | 16/6/2022 | 167 | 1531.90 | 206 |
| VN30F2209 | 15/9/2022 | 258 | 1531.30 | 386 |

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ 5,5 đến 12,6 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 16,09 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng yếu đi so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2201 giảm xuống +1,29 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2202 cũng giảm xuống +1,09 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên này tăng 6% so với phiên liền trước, đạt 106.394 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 01 với 705 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 2.083 hợp đồng.
- Thị trường trong nước khép lại một năm thành công rực rỡ với nhiều kỷ lục được thiết lập bằng phiên tăng điểm nhờ lực kéo từ nhóm cổ phiếu bluechips, đặc biệt là nhóm cổ phiếu ngân hàng. Tuy vậy, chỉ số VN-Index vẫn lỡ hẹn với mốc 1.500 điểm, để lại nhiều tiếc nuối cho nhà đầu tư phiên này. Dầu vậy, năm nay chỉ số VN-Index vẫn lọt TOP các chỉ số có mức tăng trưởng mạnh nhất trên toàn cầu. Về kỹ thuật, việc tăng giá của nhóm trụ đã giúp đỡ thị kỹ thuật VN-Index tích cực hơn, MACD cũng cắt lên và dải BolingerBands tiếp tục mở rộng.
- Thị trường phái sinh đã vượt lên cận trên của vùng dao động trước đó, cần thêm 1 phiên confirm nữa để chính thức bước vào nhịp tăng mới. Bối cảnh hiện tại đang củng cố cho xu hướng tăng tiếp diễn. Do đó, chiến lược giao dịch trong phiên tới là bám theo đà tăng, canh mua với các nhịp võng xuống của thị trường. Vùng giá cân nhắc là 1530-1533 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1525 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1546-1550 điểm. Đối với vị thế trung hạn, nhà đầu tư giao dịch theo xu hướng tiếp tục nắm giữ vị thế Long và Stoploss nếu chỉ số xuyên qua 1525 điểm, chốt lời vùng kỳ vọng 1546-1556 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

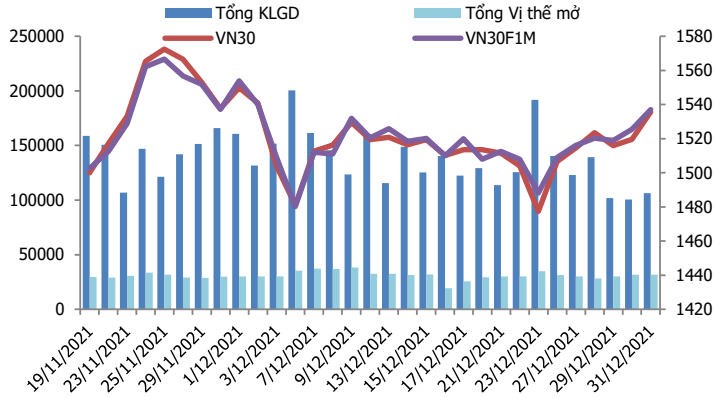
Nhà đầu tư tiếp tục lựa chọn phương pháp giao dịch trading, tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh về hỗ trợ sẽ là cơ hội để mở lệnh Mua. Vùng giá cân nhắc là 1530-1533 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1525 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1546-1550 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Đối với nhà đầu tư giao dịch theo xu hướng tiếp tục nắm giữ vị thế Long và Stoploss nếu chỉ số xuyên qua 1525 điểm, chốt lời vùng kỳ vọng 1546-1556 điểm.

Chiến lược giao dịch spread

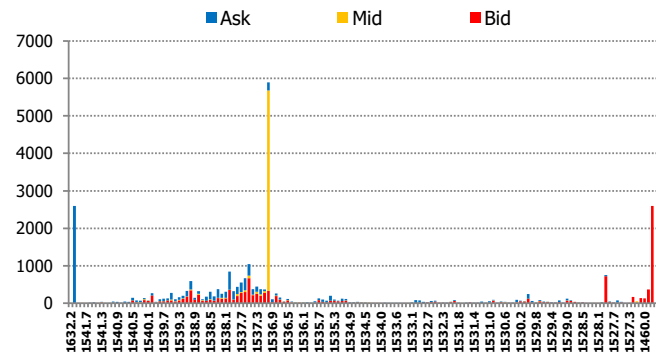
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2201 | 1537.0 | 0.75 | 106,190 | 6.0 | 30,711 | -0.2 |
| VN30F2202 | 1536.8 | 0.83 | 160 | -18.4 | 282 | 2.5 |
| VN30F2206 | 1531.9 | 0.53 | 16 | 60.0 | 206 | 2.0 |
| VN30F2209 | 1531.3 | 0.36 | 28 | 12.0 | 386 | -20.9 |
| Tổng | | | 106,394 | 6.0 | 31,585 | -0.5 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Thị trường chứng khoán phái sinh tăng điểm trong phiên giao dịch cuối cùng năm 2021, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ 5,5 đến 12,6 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 16,09 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng 5,98% so với phiên liền trước, đạt 106.394 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 01 với 106.190 hợp đồng. Khối ngoại quay trở lại mua ròng HĐTL tháng 01 với 705 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 2.083 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2201 là 1.536,8 điểm (thấp hơn 0,2 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2202 là 1.539,85 điểm (+3,05 điểm), VN30F2203 là 1.539,85 điểm (+7,95 điểm) và VN30F2206 là 1.544,81 điểm (+13,51 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

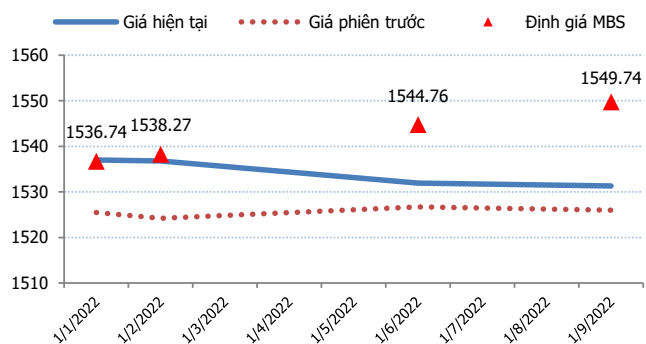
| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng kết | BUY | BUY | NEUTRAL |
| Hỗ trợ | 1530-1533 | 1522-1525 | 1495-1500 |
| Kháng cự | 1538-1542 | 1546-1550 | 1556-1560 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

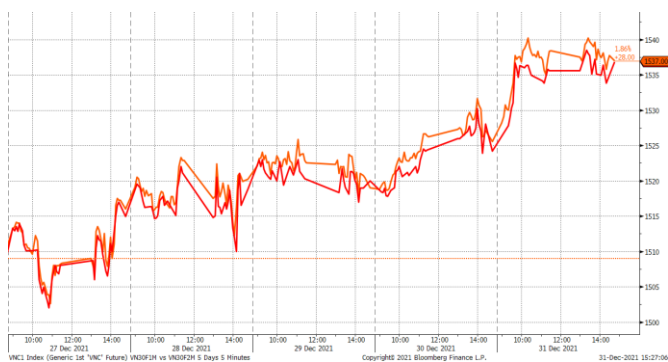


| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|--------------------------|----------|-------------|------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | -0.2 | -1.30 | 1.1 | -0.6 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -5.1 | 1.20 | -6.3 | -1.74 |
| VN30F1Q - VN30F2M | -4.9 | 2.50 | -7.4 | -1.14 |
| VN30F2Q - VN30F1M | -5.7 | 0.50 | -6.2 | -3.18 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -5.5 | 1.80 | -7.3 | -2.58 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -0.6 | -0.70 | 0.1 | -1.44 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



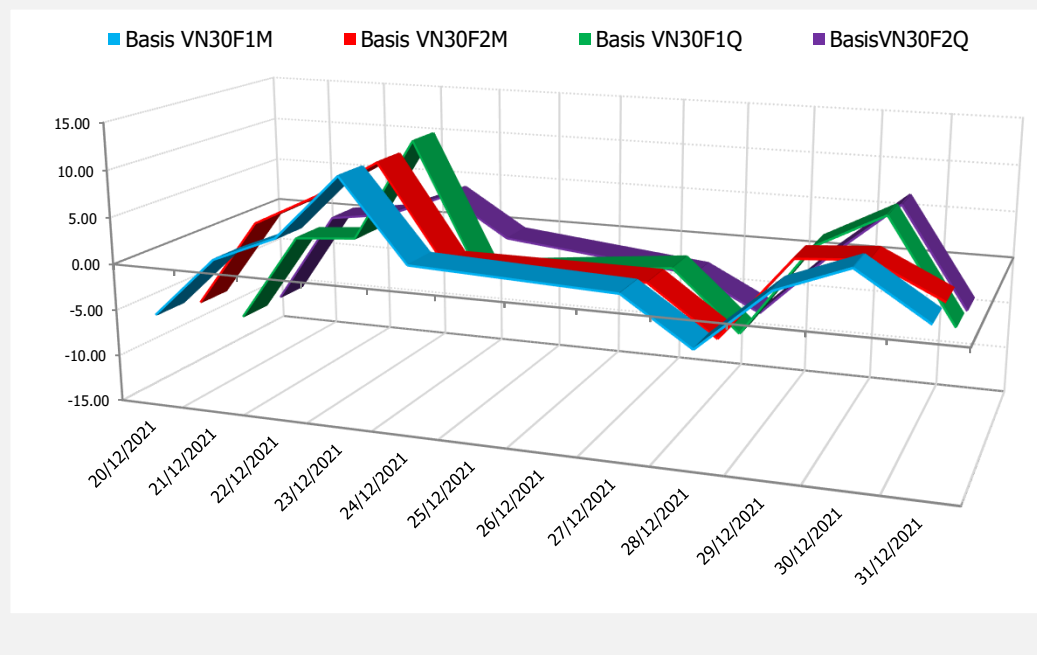
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÈNH LỆCH GIÁ HĐTL

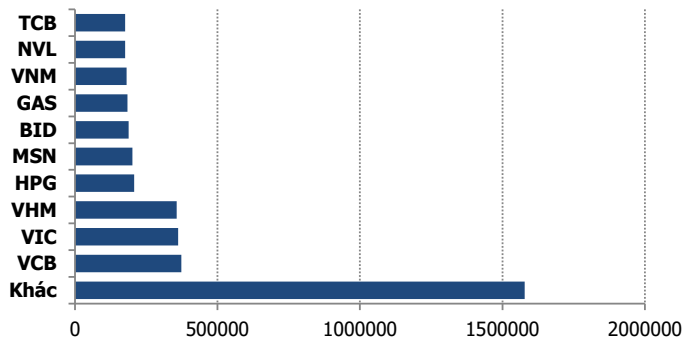
- Thị trường chứng khoán phái sinh tăng điểm trong phiên giao dịch cuối cùng năm 2021, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ 5,5 đến 12,6 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 16,09 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng yếu đi so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2201 giảm xuống +1,29 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2202 cũng giảm xuống +1,09 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -5,7 điểm đến -0,2 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2202-VN30F2201) tăng thêm 1,1 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

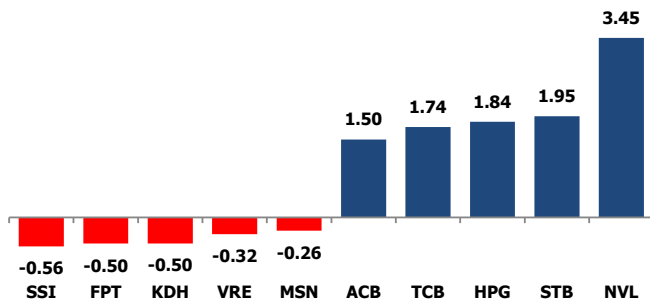


| | VNIndex | VN30 |
|-----------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1498.28 | 1535.71 |
| Thay đổi | 12.31 | 16.09 |
| %Chg | 0.83 | 1.06 |
| YTD | 0.00 | 0.00 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 5,838.11 | 3,982.39 |
| P/E | 17.48 | 14.64 |
| P/B | 2.75 | 2.94 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính tiếp tục mở rộng đà tăng điểm. Số mã tăng điểm (22) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (8) và 0 mã đứng tham chiếu. NVL và STB trở thành hai trụ đóng góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +2,82 điểm và +2,04 điểm; ngoài ra HPG, TCB hay ACB là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 16,09 điểm (+1,06%) lên 1.535,71 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 198,92 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 9.612 tỷ đồng.

Khối ngoại mua ròng phiên thứ 2 liên tiếp với 149,62 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như KBC (+60 tỷ đồng), DXG (+52 tỷ đồng), STB (+28 tỷ đồng), PNJ (+20 tỷ đồng), DGC (+16 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|------------|-----------|--------|-------|-------|
| VNIIndex | 1,498.28 | 0.83 | 17.48 | - |
| Dow Jones | 36,338.30 | (0.16) | 20.27 | - |
| S&P500 | 4,766.18 | (0.26) | 26.21 | - |
| Nikkei 225 | 28,791.71 | (0.40) | 16.41 | - |
| Shanghai | 3,639.78 | 0.57 | 15.56 | - |
| DAX | 15,884.86 | 0.21 | 15.34 | - |
| Vàng | 1,829.20 | 0.80 | - | - |
| Dầu WTI | 75.21 | (2.31) | - | 55.01 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|--|----------|---------|---------|
| Thứ Hai - 27/12/2021 | | | |
| Thứ Ba - 28/12/2021 | | | |
| Thứ Tư - 29/12/2021 | | | |
| Mỹ - Doanh số nhà chờ bán (tháng/tháng) (Tháng 11) | 7.5% | 0.5% | -2.2% |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô | -4.715M | -3.233M | -3.576M |
| Thứ Năm - 30/12/2021 | | | |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 206K | 208K | 198K |
| Thứ Sáu - 31/12/2021 | | | |
| Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 12) | 50.1 | 50.0 | 50.3 |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ kết thúc phiên giao dịch cuối cùng trong năm với sắc đỏ, khép lại một năm 2021 liên tục lập kỷ lục bất chấp những rào cản dai dẳng liên quan đến Covid. Kết phiên, chỉ số Dow Jones hạ 59,78 điểm (-0,16%) xuống 36.338,30 điểm. Chỉ số S&P 500 lùi 0,26% xuống 4.766,18 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite mất 0,61% còn 15.644,97 điểm.
- Giá dầu giảm 1% nhưng vẫn ghi nhận năm tăng mạnh nhất trong 12 năm. Đóng cửa, hợp đồng dầu Brent lùi 86 xu (-1,1%) xuống 78,67 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI mất 80 xu (-1%) còn 76,19 USD/thùng.
- Giá vàng có năm giảm mạnh nhất kể từ năm 2015, do đồng USD phục hồi trong bối cảnh nhà đầu tư chuẩn bị đón chào một năm mới mà nguồn cung tiền có thể bị thu hẹp ngay cả khi mối đe dọa từ biến thể Omicron vẫn còn. Khép lại phiên giao dịch, hợp đồng vàng giao ngay tiến 0,4% lên 1.822,11 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai cộng 0,5% lên 1.823,00 USD/oz.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 NVL, STB và HPG là những nhân tố chính giúp chỉ số VN30 giữ vững đà tăng điểm. Trong đó, NVL đóng góp +2,82 điểm cho chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|---|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|-------|------|
| TCB | Banks | 8.08 | 50,000 | 1.42 | 2.12% | 477.517 | 1.74 | 10.07 | 2.00 |
| HPG | Metals & Mining | 7.92 | 46,400 | 1.53 | 1.74% | 636.4 | 1.84 | 6.55 | 2.47 |
| VIC | Real Estate Management & Development | 7.32 | 95,100 | 0.11 | 2.23% | 120.477 | 0.12 | 76.20 | 3.56 |
| VPB | Banks | 7.32 | 35,800 | 1.13 | 2.12% | 402.748 | 1.26 | 12.87 | 2.55 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 6.19 | 82,000 | 0.49 | 0.86% | 379.661 | 0.46 | 9.23 | 3.13 |
| MSN | Food Products | 5.71 | 171,000 | -0.29 | 1.72% | 1121.03 | -0.26 | 84.19 | 9.38 |
| ACB | Banks | 5.61 | 34,500 | 1.77 | 1.62% | 194.209 | 1.50 | 9.59 | 2.19 |
| VNM | Food Products | 5.11 | 86,400 | 1.29 | 2.58% | 200.645 | 1.00 | 19.15 | 5.81 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 5.08 | 93,000 | -0.64 | 1.51% | 150.266 | -0.50 | 20.93 | 4.97 |
| MWG | Specialty Retail | 4.46 | 135,900 | 1.19 | 1.87% | 152.119 | 0.81 | 22.17 | 5.15 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 4.35 | 91,000 | 5.45 | 5.69% | 257.607 | 3.45 | 50.15 | 5.13 |
| MBB | Banks | 4.25 | 28,900 | 1.58 | 2.98% | 376.888 | 1.02 | 9.83 | 1.95 |
| STB | Banks | 3.99 | 31,500 | 3.28 | 5.90% | 1123.51 | 1.95 | 16.84 | 1.78 |
| HDB | Banks | 3.04 | 30,850 | 0.82 | 5.63% | 225.906 | 0.38 | 10.97 | 2.23 |
| VCB | Banks | 2.90 | 78,800 | 0.51 | 1.02% | 33.292 | 0.23 | 17.65 | 3.41 |
| TPB | Banks | 2.76 | 41,050 | 0.74 | 3.29% | 155.385 | 0.31 | 12.50 | 2.62 |
| VJC | Airlines | 2.46 | 128,300 | 1.83 | 1.99% | 113.476 | 0.68 | 56.50 | 4.11 |
| SSI | Capital Markets | 2.34 | 51,800 | -1.52 | 2.71% | 500.751 | -0.56 | 23.85 | 3.76 |
| CTG | Banks | 1.73 | 33,900 | 0.30 | 2.95% | 456.081 | 0.08 | 9.83 | 1.72 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 1.58 | 30,100 | -1.31 | 3.16% | 187.832 | -0.32 | 31.56 | 2.24 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 1.51 | 51,000 | -2.11 | 2.75% | 93.496 | -0.50 | 27.48 | 3.36 |
| PDR | Capital Markets | 1.33 | 95,200 | 0.85 | 1.38% | 495.647 | 0.17 | 29.37 | 7.49 |
| PNJ | Textiles, Apparel & Luxury Goods | 1.24 | 96,200 | 4.00 | 5.29% | 57.746 | 0.73 | 22.83 | 3.93 |
| SAB | Food Products | 0.75 | 151,000 | 1.41 | 6.85% | 42.218 | 0.16 | 25.67 | 4.56 |
| GAS | Gas Utilities | 0.65 | 96,200 | -0.82 | 1.35% | 65.186 | -0.08 | 22.46 | 3.75 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Produce | 0.58 | 17,500 | 0.29 | 3.47% | 276.701 | 0.03 | 14.12 | 1.36 |
| BID | Banks | 0.53 | 37,100 | 4.80 | 6.20% | 179.801 | 0.37 | 19.05 | 2.27 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 0.48 | 53,900 | -0.19 | 1.68% | 47.115 | -0.01 | 20.34 | 2.79 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 0.42 | 36,950 | -0.14 | 1.49% | 80.486 | -0.01 | 29.69 | 3.01 |
| BVH | Beverages | 0.29 | 56,000 | 1.63 | 1.81% | 45.586 | 0.07 | 22.64 | 1.95 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 |
| | | GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 |
| | | GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| 8 | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| 9 | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Đinh Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu | long.dinhviet@mbs.com.vn |